TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/DS-ST
Ngày 27/11/2019.
Về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Đỗ Đức Lâm**.
2. Ông: **Phạm Đức Minh**.
Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị H** -Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2019/TLDS-ST ngày 30/5/2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐDS-ST ngày 23/7/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 29/2019/QĐDS-ST ngày 12/8/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐDS-ST ngày 30/8/2019; quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2019/QĐDS-ST ngày 20/9/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 57/2019/QĐDS-ST ngày 04/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H , sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn 07, xã L , huyện B , tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Đông Thùy, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn 07, xã L , huyện B , tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Ánh H , sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn 09, xã L , huyện B , tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Xuân M , sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn 09, xã L , huyện B , tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 09/5/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/01/2018, bà Trần Thị Ánh H vay của bà số tiền 45.000.000 đồng, bà H hẹn sẽ thanh toán toàn bộ số tiền gốc trên và lãi vào ngày 28/11/2018, mục đích vay là để buôn bán. Lãi suất ghi trong giấy vay do hai bên tự thỏa thuận, nhưng trên thực tế hai bên thỏa thuận miệng là 1.000đ/triệu đồng/ngày, hình thức góp 150.000đ/ngày; theo đó tính đến ngày 23/7/2018 bà H đã góp được 29.950.000đ; còn nợ lại 19.050.000đ.

Ngày 29/01/2018, bà Trần Thị Ánh H vay tiếp số tiền 157.000.000 đồng, trong số tiền 157.000.000đ này chia ra gồm 02 khoản vay; khoản vay thứ nhất là 87.000.000đ, khoản vay thứ 2 là 70.000.000đ; trong đó khoản vay 87.000.000đ gồm 03 khoản vay: 47.000.000đ bà H vay năm 2017 còn nợ lại, 20.000.000đ bà H vay để buôn bán bơ, 20.000.000đ bà H vay để trả cho bà Tống Thị Sáng; khoản vay 70.000.000đ là tiền vay trước đây bà H chưa trả. Do bà H không có tiền trả nên đến ngày 12/4/2018 bà H đồng ý chuyển khoản tiền vay 87.000.000đ qua hình thức đóng huê tháng, mỗi tháng 02 ký, mỗi kỳ đóng 3.000.000đ, đã đóng 8 kỳ tính đến ngày 28/7/2018 được 24.000.000đ, còn lại 63.000.000đ; khoản vay 70.000.000đ tính đến hết tháng 5/2018 bà H đã trả được 8.400.000đ, còn nợ lại 61.400.000đ.

Ngày 18/4/2018, bà Trần Thị Ánh H vay tiếp số tiền 165.000.000 đồng, bà H hẹn sẽ thanh toán toàn bộ số tiền gốc trên và lãi vào ngày 18/02/2019, mục đích vay là để buôn bán. Lãi suất ghi trong giấy vay do hai bên tự thỏa thuận, nhưng trên thực tế hai bên thỏa thuận miệng là 1.000đ/triệu đồng/ngày, hình thức góp 550.000đ/ngày; theo đó tính đến ngày 23/7/2018 bà H đã góp được 52.250.000đ, còn nợ lại 112.750.000đ.

Do việc thỏa thuận lãi của các bên vượt quá mức cho phép của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên tại phiên tòa Bà H đồng ý lấy số tiền cho vay gốc trừ đi số tiền bà H đã trả và yêu cầu bà H tính lãi suất 1.6%/tháng; cụ thể như sau:

* Khoản vay ngày 28/01/2018, tính lãi từ ngày 24/7/2018 đến ngày 27/11/2019 là 16 tháng 04 ngày: 45.000.000đ - 29.950.000đ = 19.050.000đ x 1.6% x 16 tháng 04 ngày = 4.917.000đ;

* Khoản vay ngày 29/01/2018:

- Khoản vay 87.000.000đ, lãi tính từ ngày 29/7/2018 đến ngày 27/11/2019 là 16 tháng 01 ngày: 87.000.000đ – 24.000.000đ = 63.000.000đ x 1.6% x 16 tháng 01 ngày = 16.161.000đ;

- Khoản vay 70.000.000đ, lãi tính từ ngày 01/6/2018 đến ngày 27/11/2019 là 17 tháng 26 ngày: 70.000.000đ – 8.400.000đ = 61.600.000đ x 1.6% x 17 tháng 26 ngày = 17.609.000đ;

* Khoản vay ngày 18/4/2018, lãi tính từ ngày 24/7/2018 đến ngày 27/11/2018 là 16 tháng 04 ngày: 165.000.000đ – 52.250.000 = 112.750.000đ x 1.6% x 16 tháng 04 ngày = 29.107.000đ.

Tổng cộng lãi của 04 khoản là 67.794.000đ, nợ gốc là 256.400.000đ; nợ gốc và lãi là 324.194.000đ (Ba trăm hai mươi bốn triệu một trăm chín mươi bốn ngàn đồng).

Mặt dù trong giấy vay tiền để mục đích vay là buôn bán nhưng những lần vay

tiền chỉ bà H nhận tiền và ký tên, ông Nguyễn Xuân M cH bà H không biết, không ký nhận tiền nên bà H chỉ khởi kiện bà H và yêu cầu bà H chịu trách nhiệm trả nợ toàn bộ, bà H không khởi kiện hay yêu cầu gì đối với ông M .

Đồng thời bà H yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tại quyết định số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 30/5/2019, hoàn trả cho bà số tiền bảo đảm đã nộp tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Bảo Lâm theo biên lai ngày 30/5/2019.

Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn giao nộp gồm bản gốc các giấy vay tiền ngày 28/01/2018, 29/01/2018 và ngày 18/4/2018; bản photocopy bản án số 92/2019/DS-PT ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 30/8/2019, Bản tường trình ngày 12/9/2019 bị đơn bà Trần Thị Ánh H trình bày:

Bà có ký nhận và vay của bà H số tiền theo 03 giấy gốc vay tiền các ngày 28/01/2018, 29/01/2018 và ngày 18/4/2018 bà H giao nộp là đúng; bà đã trả cho bà 700.000đ/ngày hiện còn nợ lại bà H số tiền như sau:

* Khoản vay ngày 28/01/2018là 45.000.000đ còn nợ 19.050.000đ;

* Khoản vay ngày 29/01/2018 là 157.000.000đ gồm 02 phần:

- Phần 87.000.000đ đã được chuyển qua hụi (huê) và còn nợ lại 60.000.000đ;

- Phần 70.000.000đ còn nợ lại 70.000.000đ nhưng đã bị bà H khởi kiện vào vụ án trước nên không đồng ý tính vào vụ án này.

* Khoản vay ngày 18/4/2018 là 165.000.000đ, còn nợ lại 87.450.000đ.

Tổng cộng còn nợ lại bà H 166.500.000đ. Bà H cho rằng toàn bộ số nợ trên là nợ gốc và lãi cộng dồn lại; bà đã trả cho bà H được 200.500.000đ, chỉ còn nợ lại 166.500.000đ, lãi suất quá cao và yêu cầu Tòa án xem xét lại.

Tại phiên tòa ngày 20/9/2019, bà H xuất trình chứng cứ gồm 04 tờ giấy được cắt nhỏ theo trình bày của bà H là chữ viết của bà H viết và giao cho bà H ; trong đó có 03 tờ giấy được cắt ra từ khổ giấy A4, mặt sau có chữ đánh máy không rõ nội dung, đã được đánh số thứ tự 1, 2, 4 bằng mực đỏ phía trên đầu bên phải tờ giấy; còn tờ giấy được cắt ra từ giấy vỡ học sinh được đánh số 3 bằng mực đỏ phía dưới tờ giấy. Đồng thời bà H khai trong số tiền 157.000.000đ, bà H vay ngày 29/01/2018 bao gồm hai khoản vay 87.000.000đ và 70.000.000đ; trong khoản vay 70.000.000đ có 20.000.000đ đồng bà H đã cấn trừ nợ với bà H qua cho bà Tống Thị Sáng, địa chỉ: Thôn 3, xã L , huyện B , tỉnh Lâm Đồng nên yêu cầu trừ khoản tiền này. Mặt khác, bà H cho rằng chứng cứ liên quan đến vụ án này của khoản vay 87.000.000đ bà đã giao nộp cho Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng trong vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa bà H với bà H đối với số tiền khởi kiện 360.000.000đ tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/8/2019. Quá trình xét xử phúc thẩm đã chứng minh cứ cứ này không liên quan đến vụ án đó và có liên quan đến vụ án này nhưng chưa được Tòa án trả lại nên bà H xin tạm ngưng phiên tòa để liên hệ Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận lại chứng cứ và giao nộp trong vụ án này.

Tại bản tự khai ngày 17/7/2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ ông Nguyễn Xuân M trình bày: Ông Không vay tiền bà H , bà H vay bà H với mục đích gì ông không biết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H , buộc bà H có trách nhiệm trả cho bà H số tiền nợ gốc và lãi là 324.194.000đ; buộc bà H chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà H ; Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tại quyết định số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 30/5/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của bà H , ông M : Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhưng bà H , ông M vắng mặt lần thứ 02 không có lý do chính đáng nên căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[01] Quá trình giải quyết vụ án bà H xác nhận có vay của bà H và ký tên vào giấy vay ngày 28/01/2018 với số tiền là 45.000.000đ, 29/01/2018 với số tiền là 157.000.000đ và ngày 18/4/2018 với số tiền là 165.000.000đ phù hợp với trình bày của bà H nên đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, khẳng định bà H cho bà H vay số tiền trên là có thật.

[02] Trong bản tường trình ngày 12/9/2019, bà H cho rằng đã trả cho bà H 700.000đ/ngày hiện còn nợ lại bà H số tiền 166.500.000đ và cho rằng toàn bộ số nợ trên gồm nợ gốc và lãi cộng dồn lại với mức lãi suất quá cao, yêu cầu Tòa án xem xét lại; đồng thời tại phiên tòa ngày 20/9/2019, bà H xuất trình 04 tờ giấy chứng minh cho việc bà đã trả nợ vay cho bà H . Qua đối chiếu và thừa nhận của bà H thì nội dung trong 04 tờ giấy này là do bà H viết để thông báo cho bà H biết số tiền trả cho bà chứ không phải là giấy xác nhận bà H đã trả tiền xong cho bà H ; mặt khác, nội dung tờ giấy đánh số 1 đến số 3 phù hợp với trình bày của bà H về số tiền, ngày bà H đã đưa tiền cho bà H của khoản nợ 157.000.000đ; đối với tờ giấy đánh số 4 bà H cho rằng đây là thông báo về khoản nợ vay trước kia của bà H gồm 70.000.000đ và 56.100.000đ của năm 2017 không liên quan gì đến khoản vay trong vụ án này. Do đó, bà H cho rằng đã trả cho bà H tổng cộng được số tiền 200.500.000đ, hiện còn nợ lại 166.500.000đ là không có căn cứ để xem xét, chấp nhận.

[03] Sau khi tạm ngừng phiên tòa ngày 20/9/2019, Tòa án đã thông báo nhưng bà H không giao nộp nên không có căn cứ để xem xét; đồng thời Tòa án tiến hành xác minh đối với bà Tống Thị Sáng thì xác định số tiền 20.000.000đ là do bà H vay

của bà H để trả khoản nợ vay trước đó của bà Sáng, không có việc bà Sáng cấn trừ khoản nợ vay này của bà H cho bà H .

[04] Bà H yêu cầu bà H trả tiền gốc của 03 lần vay 256.400.000đ và lãi phát sinh 1.6%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận; cụ thể như sau:

* Khoản vay ngày 28/01/2018, tính lãi từ ngày 24/7/2018 đến ngày 27/11/2019 là 16 tháng 04 ngày: 45.000.000đ - 29.950.000đ = 19.050.000đ x 1.6% x 16 tháng 04 ngày = 4.917.000đ;

* Khoản vay ngày 29/01/2018:

- Khoản vay 87.000.000đ, lãi tính từ ngày 29/7/2018 đến ngày 27/11/2019 là 16 tháng 01 ngày: 87.000.000đ – 24.000.000đ = 63.000.000đ x 1.6% x 16 tháng 01 ngày = 16.161.000đ;

- Khoản vay 70.000.000đ, lãi tính từ ngày 01/6/2018 đến ngày 27/11/2019 là 17 tháng 26 ngày: 70.000.000đ – 8.400.000đ = 61.600.000đ x 1.6% x 17 tháng 26 ngày = 17.609.000đ;

* Khoản vay ngày 18/4/2018, lãi tính từ ngày 24/7/2018 đến ngày 27/11/2018 là 16 tháng 04 ngày: 165.000.000đ – 52.250.000 = 112.750.000đ x 1.6% x 16 tháng 04 ngày = 29.107.000đ.

Từ những căn cứ trên cần buộc bà H có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 324.194.000đ, trong đó nợ gốc là 256.400.000đ và lãi phát sinh là 67.794.000đ.

[05] Ông M thừa nhận mình không liên quan đến nợ vay của bà H , không biết gì đến khoản nợ này và được bà H xác nhận chỉ khởi kiện bà H , không khởi kiện ông M nên không xem xét trách nhiệm trả nợ của ông M trong vụ án này là phù hợp.

[06] Xét yêu cầu của bà H về việc hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tại quyết định số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 30/5/2019 là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận hủy bỏ và hoàn trả cho bà H số tiền bảo đảm 20.000.000đ đã nộp tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Bảo Lâm theo biên lai ngày 30/5/2019.

[07] Về án phí:

- Buộc bà H phải nộp 324.194.000đ x 5% = 16.209.700 (Mười sáu triệu hai trăm lẻ chín ngàn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho bà H theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" với bị đơn bà Trần Thị Ánh H , người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân M .

Buộc bà Trần Thị Ánh H có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị H số tiền 324.194.000đ (Ba trăm hai mươi bốn triệu một trăm chín mươi bốn ngàn đồng).

"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015".

2. Về án phí:

- Buộc bà H phải nộp 16.209.700 (Mười sáu triệu hai trăm lẻ chín ngàn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Phạm Thị H 10.340.000đ (Mười triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0006612976 ngày 30/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 27/11/2019; bà H , ông M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2)
- VKS huyện Bảo Lâm;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các Đương sự;
- CC.THADS huyện Bảo Lâm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đức Lâm **Phạm Đức Minh** **Nguyễn Văn Linh**